TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 829/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10- 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Nhanh
Bà Nguyễn Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1756/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6712/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2 xã N, huyện H, Thành phố H.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Quốc tịch: Nhật Bản

Địa chỉ: Shizuoka-Ken, Hamamatsu-shi, Naka-ku, Sumiyoshi 4 chome 9 ban, Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông H kết hôn vào năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 06/9/2017 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn bà và ông H chung sống với nhau được khoảng 01 tháng, sau đó ông H trở về Nhật bản sinh sống và làm việc. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, ông H không bảo lãnh cho bà sang Nhật Bản và cũng không trở về Việt Nam thăm

bà. Đến năm 2019 ông H qua Ấn Độ làm việc, cuối năm 2019 bà đi Ấn Độ công tác và được biết ông H đang ở tại địa chỉ Near Bihind Of Dr B.K Mishra, Pachhatti, Bodhgaya 824231, Gaya, Bihar, Ấn Độ bà đã gặp ông H, hai bên đã cùng nhau nói chuyện để giải quyết và hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được. Cuối năm 2019 bà trở Việt Nam và hai bên không còn liên lạc với nhau. Sau một thời gian không liên lạc bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà đã liên lạc với ông H tại địa chỉ Near Bihind Of Dr B.K Mishra, Pachhatti, Bodhgaya 824231, Gaya, Bihar, Ấn Độ nhưng không được, đồng thời thông qua một người bạn bà được biết ông H không còn ở Ấn Độ nữa và đã trở về Nhật Bản sinh sống tại địa chỉ thường trú là Shizuoka-Ken, Hamamatsu-shi, Naka-ku, Sumiyoshi 4 chome 9 ban, Nhật Bản đây cũng là địa chỉ gia đình của ông H. Bà yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác cho ông H tại địa chỉ ở Nhật Bản nêu trên nhưng đến nay ông không có ý kiến gì.

Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Do hai bên không sống cùng nhau đã lâu, thời gian quan tâm chăm sóc nhau không có dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay bà nhận thấy bà không còn tình cảm với ông H, việc kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông H đang cư trú tại Nhật Bản

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông H đều vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T, cho bà Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Ngọc T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin ly hôn với ông H hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Huỳnh Thị Ngọc T tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/5/2022, lần hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 10/6/2022 nhưng bà Huỳnh Thị Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với ông H, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày giờ mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 61/TB-TLVA ngày 11/3/2021 cho ông H theo Công văn số 260/TTTPDS-TA30 ngày 06/4/2021 đề nghị tống đạt văn bản trên cho ông H theo quy định của pháp luật. Theo Công văn số 1419/CH-BTP ngày 7/6/2021 của Bộ Tư pháp thì Bộ Tư pháp đã chuyển hồ sơ ủy thác nêu trên cho Bộ Ngoại giao Nhật Bản. Ngày 10/11/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 3069/BTP-PLQT đề ngày 27/10/2021 thông báo về kết quả ủy thác tư pháp cho ông H như sau: Không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Tòa án đã yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T cung cấp địa chỉ mới của ông H để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà Thanh không cung cấp được và cam kết địa chỉ cư trú cuối cùng của ông H là tại Shizuoka-Ken, Hamamatsu-shi, Naka-ku, Sumiyoshi 4 chome 9 ban, Nhật Bản và yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, đồng thời đăng cổng thông tin điện tử của Tòa án cho bị đơn biết thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã có Công văn số 820/TATP-TGĐVNCTN ngày 08/12/2021 gửi gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản đề nghị đăng thông báo số 820/TA-TB ngày 8/12/2021 về việc giải quyết vụ án ly hôn cho ông H trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này, đồng thời yêu cầu Đài Tiếng nói Việt Nam đăng tin 3 số liên tiếp theo Thông báo số 3297/TB-TA ngày 30/3/2022 cụ thể dự kiến phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 20/5/2022 lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 10/6/2022. Nhưng đến nay không thấy ông H có thông tin phản hồi. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 20/5/2022 nhưng do ông H vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 69 ngày 06/9/2017 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông H là hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày thì sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau được khoảng 01 tháng, sau đó ông H trở về Nhật bản sinh sống và làm việc. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã cùng nhau nói chuyện để giải quyết và hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng gay gắt.

Do khoảng cách về địa lý, hai bên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có. Về phía ông H, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp và thông báo ngày giờ mở phiên tòa xét xử cho ông H theo quy định pháp luật nhưng không có phản hồi, cũng không có mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ ông H không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Về phía bà Huỳnh Thị Ngọc T xác định không còn tình cảm với ông H nên dứt khoát xin ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Đây cũng là tình cảm và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau và được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nay bà Thanh xác định tình cảm giữa bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông H không còn, cũng không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó bà Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc T khai không có nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc T khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273, Điều 477 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị Ngọc T đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0093733 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Ngọc T được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THA dân sự TP.HCM;
- UBND huyện Hóc Môn TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hs, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương